TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HS-ST
Ngày: 29-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Đính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Bảo
2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh T Long - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29-9-2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 11-9-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 14-9-2020 đối với các bị cáo:

1. Võ Ngụy Nguyên T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24-4-1998, tại Đăk Lăk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Võ Văn H và bà Ngụy Đặng Như G; Bị cáo có vợ là Trần Thị Thanh H và 01 con (Sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 24-3-2015 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 24-3-2016 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 21-01-2017 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

2. Trần Thị Thanh H; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 03-9-1988, tại Hà Tĩnh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn M, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có chồng tên là Võ Ngụy Nguyên T và 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Ưng Quang C; Sinh năm: 1955; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Đỗ Đình P; Sinh năm

1996; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Thắng Trạch 1, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- *Người Làm chứng*: Ông Nguyễn Văn N; Sinh năm: 1974; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày ngày 21-4-2020, bị cáo Trần Thị Thanh H nảy sinh ý định tới vườn cây cáo su không có người chăm sóc tại khu vực thôn 1, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai để cưa cây về bán củi lấy tiền nên đã nói với chồng là bị cáo Võ Ngụy Nguyên T cùng đi, sau đó cả hai đến nhà anh Đỗ Đình P thuê anh P dùng máy cưa lốc và xe công nông để cưa và chở cây sau khi cưa được đem bán. Bị cáo H và bị cáo T trả cho anh P 200.000 đồng tiền công/ngày cưa và 100.000 đồng/ một chuyến chở cây. Đến khoảng 12 giờ ngày 21-4-2020, anh Phong lái xe công nông và mang theo một cưa lốc hiệu MTSUYAMA của mình đi đến khu vực nghĩa trang huyện G, bị cáo T và bị cáo H dẫn anh P đi đến khu vực lô cao su của ông Ưng Quang C ở thôn 1, thị trấn K, huyện G, và nói anh P vào cưa cây cao su tại khu vực này, anh Pg là người trực tiếp cầm cưa lốc đi cưa đổ các cây cao su và cắt T các khúc nhỏ, T và H bốc các khúc gỗ đã cắt bốc lên xe công nông, Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ và cùng nhau chở số cây đã cắt được đến lò than N của ông Nguyễn Văn N để bán. Tại đây ông N đã C số cây cao su trên được 2.070kg và đồng ý mua số cây này với số tiền là 720.000 đồng. T trả tiền công cho P 300.000 đồng và hẹn hôm sau tiếp tục đi cưa cây, số tiền còn lại thì H giữ. Đến khoảng 09 giờ ngày 22-4-2020, bị cáo T và H cùng với anh P tiếp tục cùng nhau cưa cây cao su tại địa điểm trên thì bị chủ sở hữu là ông Ưng Quang C phát hiện, trình báo cơ quan Công an. Bị cáo T và H công nhận đã cưa và trộm cắp của ông C tổng cộng là 39 cây cao su trồng năm 1994.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-TS ngày 14-5-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G xác định trị giá tổng cộng 39 cây cao su trồng năm 1994 có giá là 17.082.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 33/CTr-VKS ngày 10-9-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, Trần Thị Thanh H về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Ngụy Nguyên T từ 16 - 20 tháng tù, không đề nghị áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H 08 - 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 - 24 tháng, không đề nghị áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Ưng Quang C yêu cầu cầu các bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, Trần Thị Thanh H phải liên đới bồi thường thiệt hại của 39 cây cao su trồng năm 1994 với số tiền là 10.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe công nông vô lăng đã qua sử dụng của; 01 máy cưa lốc màu trắng xanh, lam 60, hiệu MTSUYAMA cũ là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Đình Pg, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Phong là đúng quy định của pháp luật. Anh P không có yêu cầu gì nên không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, Trần Thị Thanh H đều công nhận ngày trong các ngày 21 và 22 tháng 4 năm 2020 đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông Ưng Quang C tổng cộng là 39 cây cao su trồng năm 1994 có giá là 17.082.000 đồng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, Trần Thị Thanh H đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội.

[5] Đây là vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có vai trò và nhân thân khác nhau nên cần xem xét để quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, tuy không phải là người chủ mưu nhưng là người thực hành tội phạm tích cực, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án đều về tội "Trộm cắp tài sản", mới chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích không lâu nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Điều đó cho thấy bị cáo là người có ý thức chấp hành pháp luật rất kém. Mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng xét về nhân thân, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt tù đối với bị cáo ở mức nặng hơn bị cáo H và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để bị cáo có điều kiện được tiếp tục giáo dục, cải tạo T người công dân có ích cho gia đình và xã hội; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã T khẩn khai

báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[7] Đối với bị cáo Trần Thị Thanh H là người chủ mưu và cũng là người đồng phạm thực hành tội phạm nên cần xử phạt nghiêm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội cũng đã T khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được trực tiếp lao động cải tạo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Quá trình điều tra, giữa bị hại và các bị cáo mới chỉ thỏa thuận được về mức bồi thường, các bị cáo chưa bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Đối với anh Đỗ Đình P, khi được bị cáo T và H thuê đi cưa cây cao su thì không biết cây cao su là tài sản của ông Ưng Quang C, không biết các bị cáo thuê cắt cây khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu nên không phải là đồng phạm với bị cáo T và H về tội "Trộm cắp tài sản".

[9] Đối với ông Nguyễn Văn N, khi mua cây cao su do bị cáo T và H mang đến bán không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên cũng không phải là đồng phạm với bị cáo T và H về tội "Trộm cắp tài sản" và hành vi cũng không cấu T tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[10] Đối với một số người dân tộc thiểu số chặt củi và làm vườn ở khu vực này Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định và làm việc được nên chưa xác định và xem xét hành vi có liên quan nên chưa có căn cứ xử lý đối với những người này.

[11] Đối với 23 cây cao su của ông Ưng Quang C đã bị cưa trộm trước đó, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định được người cưa trộm nên đã ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra là đúng quy định của pháp luật.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Ưng Quang C yêu cầu cầu các bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, Trần Thị Thanh H phải liên đới bồi thường thiệt hại của 39 cây cao su trồng năm 1994 với số tiền là 10.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe công nông vô lăng đã qua sử dụng của; 01 máy cưa lốc màu trắng xanh, lam 60, hiệu MTSUYAMA cũ là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Đình P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Phong là đúng quy định của pháp luật. Anh P không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, Trần Thị Thanh H phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Ngụy Nguyên T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 29-9-2020).

Giao bị cáo Trần Thị Thanh H về cho UBND thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trần Thị Thanh H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 164, Điều 584, Điều 589, Điều 288 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, Trần Thị Thanh H phải liên đới bồi thường cho ông Ưng Quang C số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc các bị cáo Võ Ngụy Nguyên T, Trần Thị Thanh H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-9-2020). Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND thị trấn K;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS,THADS;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính